

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán thuộc Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt - Mã CTMT: 10511
(Kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024)**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUỖ HỢP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 763/HD-UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về Quy trình rà soát, xác định, phê duyệt danh sách đối tượng hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và nước sinh hoạt phân tán thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15 tháng 8 năm 2023 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 75/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31 tháng 10 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 3763/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh, phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024 cho các đơn vị, địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 111/NQ-HĐND của HĐND xã Quỳnh Hợp ngày 16/12/2025 về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023, 2024, 2025;

Căn cứ Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND của UBND tỉnh Nghệ An ngày 18/3/2026 của UBND tỉnh Nghệ An Phân cấp thẩm quyền thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Tờ trình số 173/TTr-KT của Phòng Kinh tế xã Quỳnh Hợp về việc phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ thuộc Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt - Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán - Mã CTMT: 10511;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán thuộc Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt - Mã CTMT: 10511 (Kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024), cụ thể như sau:

- Tổng số hộ được hỗ trợ: 57 hộ.
- Tổng số kinh phí: 3.000.000 đồng/hộ x 57 hộ = 171.000.000 đồng.

(Có Danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội tổ chức triển khai thực hiện chính sách trên theo quy định của Nhà nước.

Giao phòng Kinh tế cấp phát kinh phí và quyết toán nguồn kinh phí theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

Các hộ được thụ hưởng chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán phải sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo đúng mục đích, phát huy hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 21/5/2026 của UBND xã Quỳnh Hợp.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội; các hộ có tên tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban cán sự các xóm, bản;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Quán Vi Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUỖY HỢP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH

**phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán thuộc Dự án 1: Giải quyết
tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt - Mã CTMT: 10511
(Kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào
dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022, 2023 và 2024)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND xã Quỳ Hợp)**

STT	Họ và tên chủ hộ	Nơi cư trú	Thành phần dân tộc	Quyết định phê duyệt hộ nghèo	Phương thức thực hiện hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Hộ dân nhận bồn chứa nước Inox	Thuộc đối tượng ưu tiên nếu có
	1	2	3	4	5	6
1	Trương Thị Dịch	Xóm Sợi Dưới	Thổ	380/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
2	Trương Thị Tính	Xóm Sợi Dưới	Thổ	380/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
3	Lô Văn Thiết	Xóm Đồng Tâm	Thái	386/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
4	Hà Văn Thắng	Xóm Đồng Tâm	Thái	386/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
5	Lo Thị Lan	Xóm Diềm Bày	Thái	386/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
6	Lương Thị Hồng	Xóm Diềm Bày	Thái	386/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
7	Sầm Thị Thuyền	Xóm Yên Luôm	Thái	386/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS

8	Lo Thị Khuyên	Hoa Thành	Thái	386/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
9	Quang Thị Hoa	Hoa Thành	Thái	386/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
10	Ngân Thị Hà	Cù Mọn	Thái	386/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
11	Hồ Văn Hậu	Bản Phảy	Thái	386/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
12	Lương Văn Mậu	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
13	Vi Văn Bình	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
14	Lương Thị Hạnh	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
15	Ngân Văn Hoi	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
16	Lương Văn Hải	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
17	Lò Văn Thế	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
18	Ngân Thị Tình	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
19	Vi Thị Nhâm	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
20	Lương Văn Nhật	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
21	Quang Văn Thắng	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS

22	Lương Văn Viện	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
23	Lò Văn Đức	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
24	Lò Văn Duyên	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
25	Vi Văn Sơn	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
26	Hoàng Văn Đàm	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
27	Vi Văn Hảo	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
28	Vi Văn Dân	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
29	Lương Văn Chung	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
30	Quang Thị Mười	Xóm Na Hầm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
31	Vi Thị Châu	Xóm Tam Đảo	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
32	Vi Thị Cường	Xóm Tam Đảo	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
33	Vi Văn Tuấn	Xóm Tam Đảo	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
34	Vi Văn Toàn	Xóm Tam Đảo	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS

35	Phạm Văn Biên	Xóm Tam Đảo	Kinh	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo dân tộc Kinh vùng ĐBKK
36	Nguyễn Văn Chung	Xóm Tam Đảo	Kinh	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo dân tộc Kinh vùng ĐBKK
37	Phạm Văn Phúc	Xóm Tam Đảo	Kinh	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo dân tộc Kinh vùng ĐBKK
38	Chế Đình Hồng	Hương Châu	Kinh	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo dân tộc Kinh vùng ĐBKK
39	Lương Văn Bằng	Bản Cáng	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
40	Lô Văn Lập	Bản Cáng	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
41	Vi Văn Thọ	Bản Cáng	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
42	Vi Thị Hằng	Bản Hốc	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
43	Vi Thị An	Bản Hốc	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
44	Lữ Đình Kim	Bản Hốc	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
45	Lữ Thị Hiền	Bản Hốc	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
46	Lữ Văn Thuỷ	Bản Hốc	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS

47	Vi Văn Ngọn	Bản Hốc	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
48	Quán Vi Khẩn	Bản Hốc	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
49	Lò Văn Bình	Châu Quê	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
50	Vi Văn Trọng	Bản Điểm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
51	Trương Thị Hải	Bản Điểm	Thái	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo DTTS
52	Bùi Thị Tờ	Xuân Đình	Kinh	315/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	x	Hộ nghèo dân tộc Kinh vùng ĐBKK
53	Lương Thị Thu	Bản Ạng	Thái	1650/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	x	Hộ nghèo DTTS
54	Vi Thị Phiên	Bản Điểm	Thái	1650/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	x	Hộ nghèo DTTS
55	Vi Văn Hoài	Bản Điểm	Thái	1650/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	x	Hộ nghèo DTTS
56	Vi Văn Linh	Bản Điểm	Thái	1650/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	x	Hộ nghèo DTTS
57	Nguyễn Thị Thành	Xóm Đồng Huống	Kinh	1650/QĐ-UBND ngày 29/12/2025	x	Hộ nghèo dân tộc Kinh vùng ĐBKK
Tổng 57 hộ						